

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2029 /UBND-VHTT

Thạch Thành, ngày 2 tháng 10 năm 2019

V/v triển khai thực hiện Quyết định số
4068/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của
UBND tỉnh Thanh Hóa.

Kính gửi:

- Phòng Văn hóa và Thông tin;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Ngày 08/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4068/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Karaoke, vũ trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, tỉnh Thanh Hóa.

Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Giao Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND các xã, thị trấn: thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và thực hiện các nội dung liên quan đến thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Karaoke thuộc thẩm quyền giải quyết theo Quyết định số 4068/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; tăng cường công tác quản lý nhà nước, tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm trong hoạt động kinh doanh Karaoke trên địa bàn;

Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì tổ chức kiểm tra công tác quản lý nhà nước của UBND các xã, thị trấn về lĩnh vực kinh doanh Karaoke, tham mưu Chủ tịch UBND huyện chấn chỉnh và xử lý đối với các xã, thị trấn để xảy ra vi phạm trong hoạt động kinh doanh karaoke thuộc địa bàn quản lý.

2. Giao Văn phòng HĐND&UBND huyện: cập nhật, niêm yết công khai, hướng dẫn và thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Karaoke thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện theo Quyết định số 4068/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa (*Gửi kèm theo*).

Yêu cầu Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin, các phòng, ban liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở VH,TT&DL (B/cáo);
- Chủ tịch, các PCT.UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, VHTT.

**KT. CHỦ TỊCH
HỒ CHỮ TỊCH**



Nguyễn Đình Tam

Số: **4068** /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày **08** tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Karaoke, vũ trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2750/QĐ-BVHTTDL ngày 07/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 3416/TTr-SVHTTDL ngày 03/10/2019 và Báo cáo thẩm tra số 1035/BC-VP ngày 07/10/2019 của Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính mới ban hành và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Karaoke, vũ trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục kèm theo).

Bãi bỏ Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng quy trình nội bộ của 02 thủ tục hành chính mới ban hành gửi Sở Thông tin và Truyền thông để xây dựng quy trình điện tử.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC
KARAOKE, VŨ TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TỈNH THANH HÓA
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4068 /QĐ-UBND ngày 08 /10/2019
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính (Số hồ sơ TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia)
Lĩnh vực Karaoke, vũ trường	
1	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke. (BVH-THA-279117)
2	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke. (BVH-THA-279118)

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia Thanh Hóa

STT	Số hồ sơ TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
Lĩnh vực Văn hóa cơ sở			
1	BVH-THA- 278924	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke	Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN
HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP
HUYỆN TỈNH THANH HÓA**

Thủ tục 1: Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.

(Số hồ sơ của TTHC: BVH-THA-279117)

1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày lễ, tết và ngày nghỉ theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 1. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke theo quy định.

Trường hợp thay đổi về địa điểm kinh doanh phải thực hiện thủ tục cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke theo quy định.

Bước 2:

- Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Văn hóa- Thông tin có văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, phòng Văn hóa- Thông tin có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế các điều kiện theo quy định và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke. Trường hợp không cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc trực tuyến.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Văn hóa - Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019).

8. Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:
 - + Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy;
 - + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/giấy.
- Phí thẩm định tại khu vực khác:
 - + Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 3.000.000 đồng/giấy;
 - + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính khi kinh doanh dịch vụ karaoke:*
- Là doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;
 - Bảo đảm các điều kiện về phòng, chống cháy nổ và an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
 - Phòng hát phải có diện tích sử dụng từ 20m² trở lên, không kể công trình phụ;
 - Không được đặt chốt cửa bên trong phòng hát hoặc đặt thiết bị báo động (trừ các thiết bị báo cháy nổ).
- b) Trách nhiệm chung của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ karaoke phải tuân theo các quy định sau đây:*
- Chỉ sử dụng các bài hát được phép phổ biến, lưu hành.
 - Chấp hành pháp luật lao động với người lao động theo quy định của pháp luật. Cung cấp trang phục, biển tên cho người lao động.
 - Bảo đảm đủ điều kiện cách âm và âm thanh thoát ra ngoài phòng hát phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tuân thủ quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm; bản quyền tác giả; hợp đồng lao động; an toàn lao động; bảo hiểm; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

c) Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ karaoke phải tuân theo các quy định sau đây:

Ngoài trách nhiệm nêu tại mục b, doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke có trách nhiệm:

- Bảo đảm hình ảnh phù hợp lời bài hát thể hiện trên màn hình (hoặc hình thức tương tự) và văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.

- Không được hoạt động từ 0 giờ sáng đến 08 giờ sáng.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.

- Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh về phân cấp cấp giấy phép kinh doanh karaoke trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có

MẪU KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Có.

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE

Kính gửi: (2)

Tên Doanh nghiệp/Hộ kinh doanh:.....
 Người đại diện theo pháp luật:
 Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại: Fax:
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ
 kinh doanh số do cấp ngày tháng năm
 Mã số:
 Đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke
 cụ thể là:
 Kinh doanh dịch vụ karaoke tại địa chỉ:
 Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có):
 Điện thoại: Fax:

TT	Vị trí, kích thước phòng	Diện tích (m ²)

Tài liệu kèm theo:
 (3)

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh dịch vụ karaoke.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.

(3) Nêu rõ các tài liệu kèm theo.

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
DỊCH VỤ KARAOKE HOẶC DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
HOẶC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA
TẠI ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC PHÂN CẤP

Căn cứ..... (2).....;

Căn cứ Nghị định số .../20.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số ngày... tháng... năm..... của(3).....;

Theo đề nghị của..... (4).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường

Cho phép:..... (3)

Địa chỉ trụ sở chính tại

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng năm

Mã số:

Được phép kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường tại địa chỉ:

.....

Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có):

Điện thoại:..... Fax:.....

STT	Vị trí, kích thước phòng	Diện tích (m ²)

Điều 2. Hiệu Lực của Giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm.....

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

....(3)... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../20../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

-(3).....;
-(5).....;
- Lưu: VT,(4).....

- (1) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.
- (2) Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh
- (3) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.
- (4) Tên cơ quan, đơn vị trình.
- (5) Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi giấy phép.

Thủ tục 2: Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.

(Số hồ sơ của TTHC: BVH-THA-279118)

1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày lễ, tết và ngày nghỉ theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.

Bước 1. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke theo quy định.

Bước 2.

- Trường hợp thay đổi về địa điểm kinh doanh phải thực hiện thủ tục cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke theo quy định.

- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trong các trường hợp dưới đây:

+ Thay đổi về số lượng phòng;

+ Thay đổi về chủ sở hữu.

- Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, phòng Văn hóa - Thông tin có văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, phòng Văn hóa- Thông tin có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế các nội dung thay đổi và trình UBND cấp huyện cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh karaoke đã được điều chỉnh. Trường hợp không cấp Giấy phép điều chỉnh phải lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc trực tuyến.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Văn hóa - Thông tin thuộc UBND cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép điều chỉnh theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019).

8. Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng.

- Phí thẩm định tại khu vực khác: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019).

10. Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.

- Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh về phân cấp cấp giấy phép kinh doanh karaoke trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có

MẪU KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Có

... (1) ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE**

Kính gửi: (2)

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký
hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm

Mã số:

Đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke số
do cấp ngày ... tháng ... năm

Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke
(điều chỉnh lần thứ) số do cấp ngày ... tháng ... năm (nếu có);

... (1) ... đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ
điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, cụ thể như sau:

Thông tin cũ (nếu có)

Thông tin điều chỉnh.....

..... (3)

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và
thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6
năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ
vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh
dịch vụ karaoke.

(3) Ghi rõ nội dung điều chỉnh.

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
DỊCH VỤ KARAOKE HOẶC DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG
(Điều chỉnh lần thứ...)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
HOẶC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA
TẠI ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC PHÂN CẤP

Căn cứ.....(2).....;
Căn cứ Nghị định số .../20.. /ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;
Căn cứ Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...;
Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường (điều chỉnh lần thứ ...) số..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);
Xét Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số ngày ... tháng ... năm ... của (3)..... ;
Theo đề nghị của.....(4).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số do..... cấp ngày ... tháng ... năm như sau:..... (5).....

Điều 2. Hiệu lực của Giấy phép

- 1. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm
2. Giấy phép này là một phần không thể tách rời của Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số.....do ...cấp ngày ... tháng ... năm..

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.. (3)... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../20../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận: (Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

-(3).....;
-(6).....;
- Lưu: VT,(4).....

- (1) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.
(2) Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh.
(3) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.
(4) Tên cơ quan, đơn vị trình.
(5) Ghi rõ nội dung điều chỉnh.
(6) Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi Giấy phép điều chỉnh.